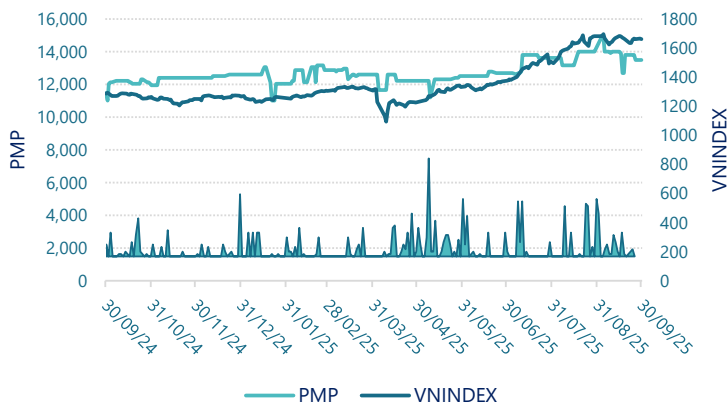




CTCP Bảo bì đệm Phú Mỹ (HNX: PMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,933
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,013
SL cổ phiếu LH	4,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	275
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
P/E	7.2
EPS	1,864

DT thuần

Q3/25

184

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00 | 3.5%

YoY: ▲ 31.0 | 20.4%

LN sau thuế

Q3/25

2.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.10 | -4.6%

YoY: ▲ 0.25 | 13.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.3%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

9T 2025

509

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 54.0 | 11.8%

LN sau thuế

9T 2025

6.10

tỷ VNĐ

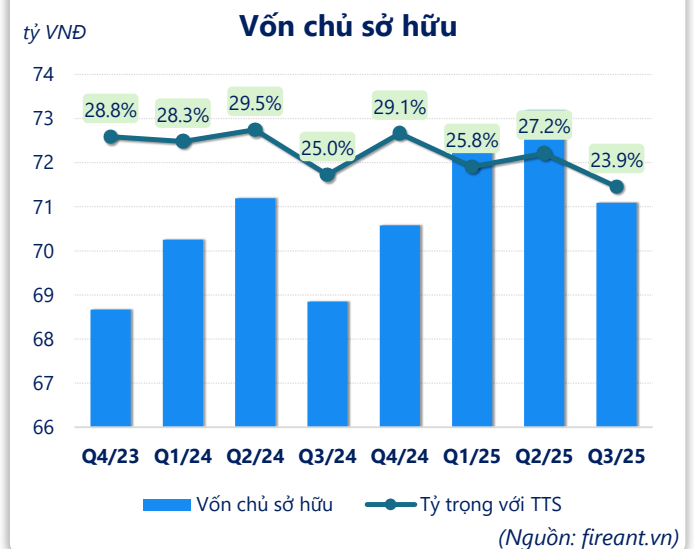
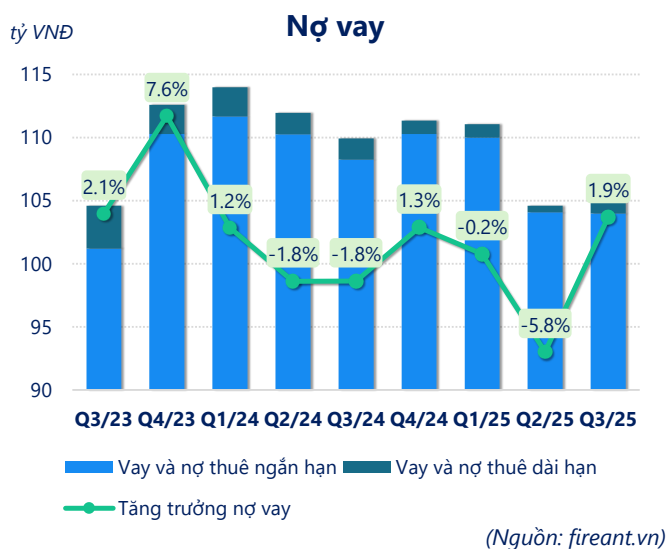
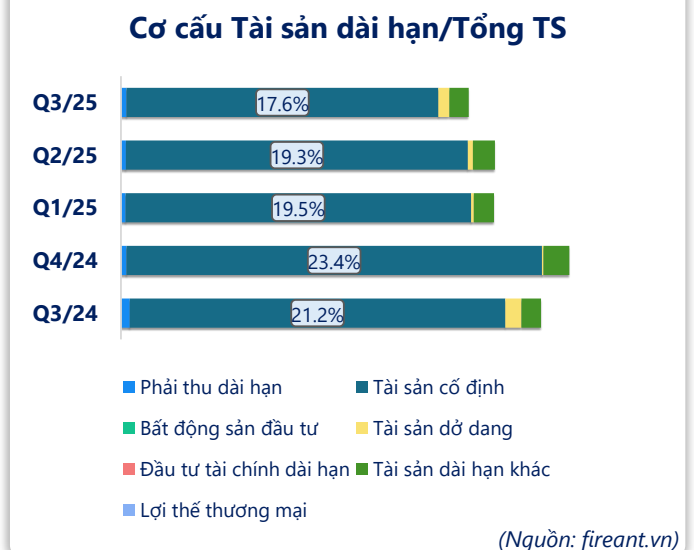
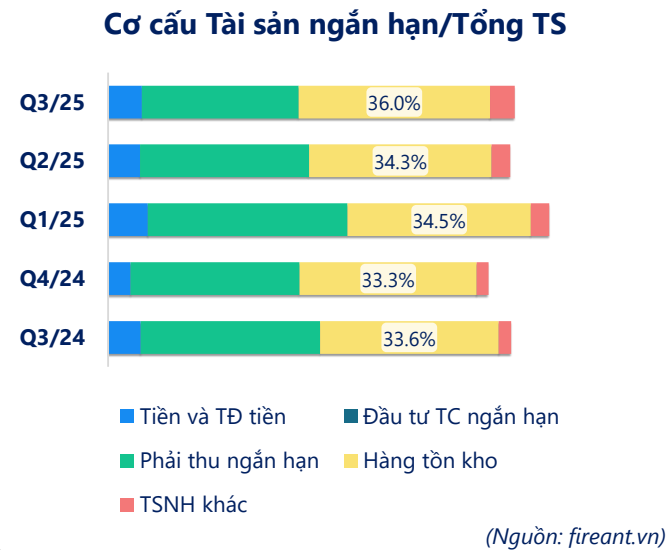
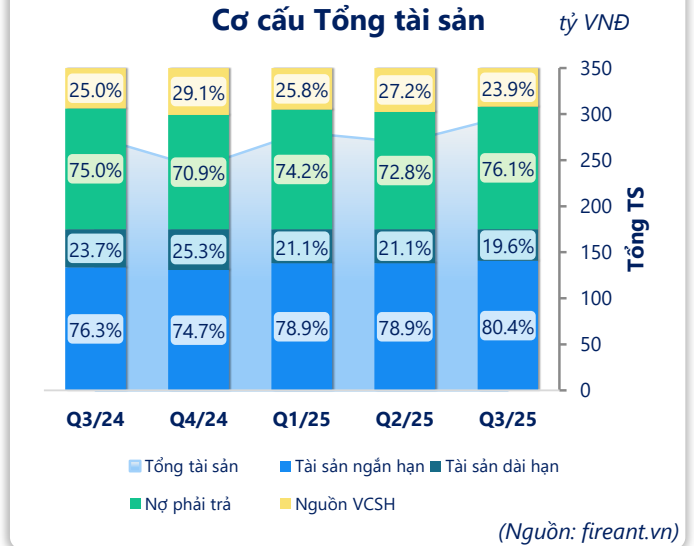
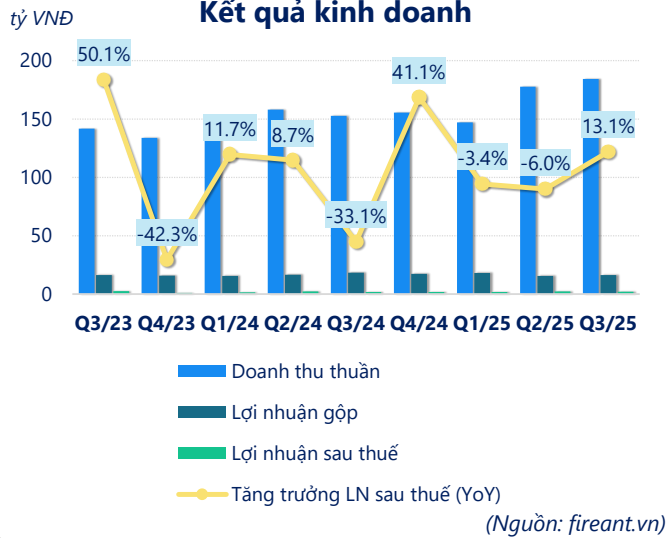
YoY: ▲ 0.43 | 7.6%

ROE

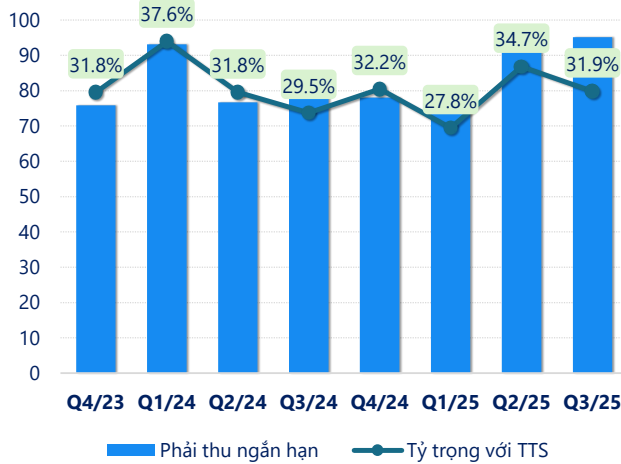
Q3/25

11.2%

+/- YoY: ▲ 1.6%

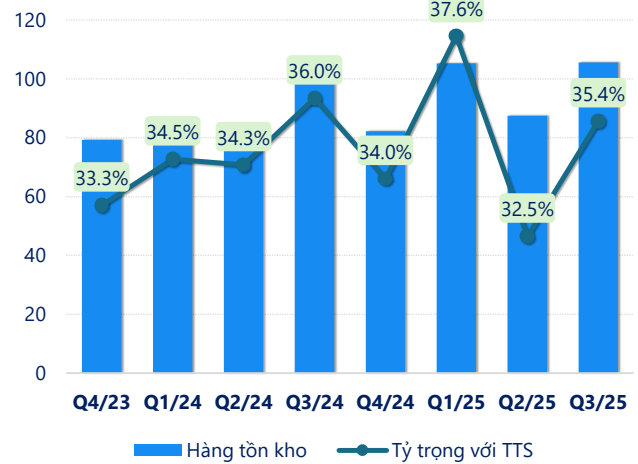


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


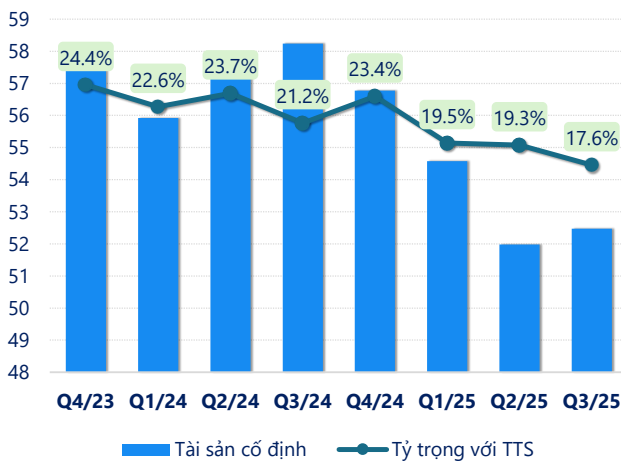
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


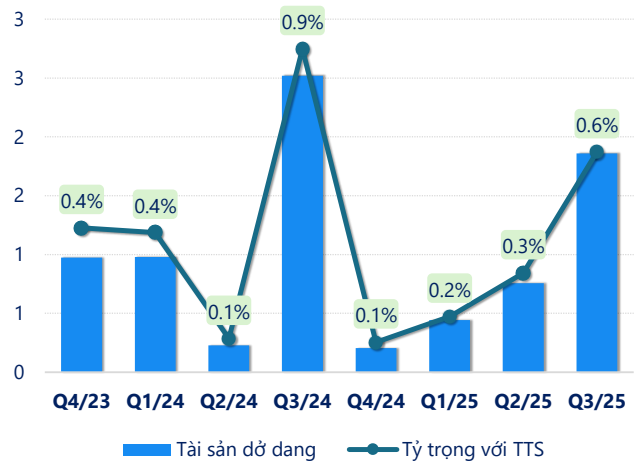
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

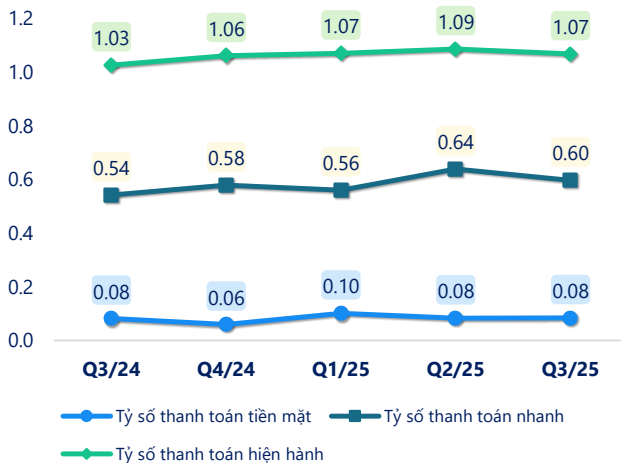
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

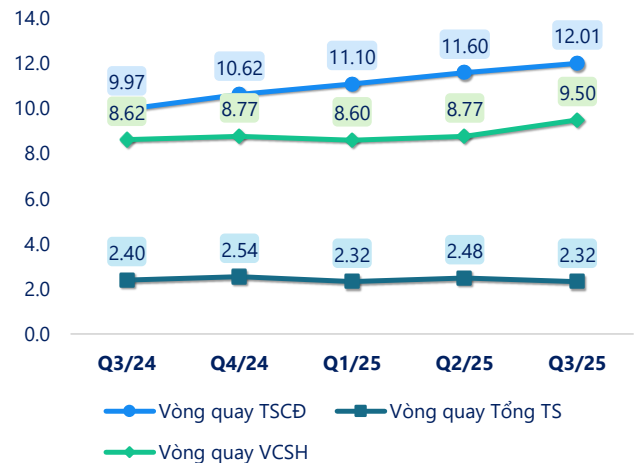
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	275	242	280	269	298
Tài sản ngắn hạn	210	181	221	213	240
Tiền và tương đương tiền	16.8	10.2	20.9	16.2	18.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	81.1	78.0	77.8	93.6	95.2
Hàng tồn kho	99.0	82.2	105	87.5	106
Tài sản ngắn hạn khác	12.9	10.5	17.1	15.2	19.9
Tài sản dài hạn	65.2	61.3	59.0	56.9	58.5
Phải thu dài hạn	1.38	0.75	0.75	0.75	0.91
Tài sản cố định	58.2	56.8	54.6	52.0	52.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.52	0.21	0.44	0.76	1.86
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.04	3.54	3.22	3.37	3.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	206	172	208	196	227
Nợ ngắn hạn	204	171	207	196	224
Vay và nợ thuê ngắn hạn	108	110	110	104	104
Phải trả người bán ngắn hạn	48.0	34.4	53.3	58.5	75.6
Nợ dài hạn	1.69	1.06	1.06	0.51	2.58
Vay và nợ thuê dài hạn	1.69	1.06	1.06	0.51	2.58
Nguồn vốn chủ sở hữu	68.9	70.6	72.4	73.2	71.1
Vốn chủ sở hữu	68.9	70.6	72.4	73.2	71.1
Vốn điều lệ	42.0	42.0	42.0	42.0	42.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)